

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Văn Khắc

Ông Hà Long Biên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1994

HKTT: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1994

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/8/2015. Hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận bình thường nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong thời gian chị H đi làm ở Bắc Ninh có những mối quan hệ bạn bè khác giới không rõ ràng, anh hỏi thì chị H không chịu giải thích. Trong lúc nóng giận thì anh có tát chị H một cái, nhưng anh cho rằng đây là những mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn nên anh mong muốn được đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T xác định, mặc dù đã cố gắng níu kéo để hàn gắn tình cảm nhưng chị H không chịu quay về đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/8/2015. Từ khi sinh ra tới nay cháu đang ở với anh và ông bà nội. Ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/8/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoa và anh Nguyễn Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống,

vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Việc này, cả chị H và anh T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Ly hôn, chị H và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị H và anh T đều chính đáng. Tuy nhiên, qua ý kiến của chị H và anh T cũng như xác minh tại địa phương, nhà trường nơi cháu H đang học và xem xét hoàn cảnh thực tế, HĐXX thấy rằng từ khi sinh ra cháu đã được ông bà nội cùng bố mẹ trực tiếp chăm sóc, khi cháu được gần hai tuổi thì chị H và anh T đi làm ở Bắc Ninh gửi cháu ở nhà cho ông bà nội chăm sóc, thỉnh thoảng mới về thăm. Từ tháng 10/2020 đến nay, anh T đã về làm gần nhà để tiện cho việc chăm con trong khi đó chị H vẫn đang làm ở Bắc Ninh, thỉnh thoảng mới về thăm con. Mặt khác từ khi cháu 03 tuổi đến nay cháu đều học tại Trường mầm non xã Thạch Long, do bố và ông nội trực tiếp đưa đón. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt cũng như việc học tập của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Thu nhập hiện nay của anh T vào khoảng 15.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy ghi nhận ý kiến của anh T, chưa cần chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[5]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/8/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị H có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002965, ngày 18/12/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**